

Số: 01 /2025/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Nhiệm vụ nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông được thực hiện thông qua công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng trong quản lý và trong công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ làm công tác quản lý báo chí, cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền của các cơ quan, tổ chức. Đối tượng bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, truyền thông, bao gồm:

a) Lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí; người làm công tác quản lý báo chí của cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí;

b) Người làm công tác thông tin cơ sở bao gồm:

- Viên chức, người lao động đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện hoặc bộ phận chuyên biệt làm công tác thông tin cơ sở thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa hoặc Trung tâm có tên gọi khác của cấp huyện;

- Công chức văn hóa - xã hội cấp xã, người phụ trách đài truyền thanh cấp xã;

- Tuyên truyền viên cơ sở ở thôn, tổ dân phố.

c) Người làm công tác thông tin, tuyên truyền thuộc cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội;

d) Người làm công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo

1. Mục tiêu: Cung cấp các dịch vụ thông tin công cộng phục vụ nhân dân các xã đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo; giúp nhân dân ở khu vực này có điều kiện tiếp cận các thông tin về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức, kỹ năng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và các thông tin thiết yếu khác.

2. Phạm vi, địa điểm thực hiện:

a) Phạm vi: Thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xã đảo, huyện đảo;

b) Địa điểm: Tại điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng.

3. Nội dung hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng:

a) Tiếp nhận các xuất bản phẩm, báo chí in từ dự án và các chương trình, đề án khác để phục vụ nhân dân trên địa bàn;

b) Phục vụ (miễn phí) người dân đọc sách, báo, tạp chí (bao gồm xuất bản phẩm điện tử và báo điện tử);

c) Cung cấp dịch vụ phục vụ truy nhập internet băng rộng để người dân khai thác các thông tin thiết yếu, đọc các xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

4. Điều kiện điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng được hỗ trợ cung cấp dịch vụ:

a) Có hệ thống bàn, ghế phục vụ người dân đọc sách, báo, tạp chí;

b) Có ít nhất 01 máy vi tính được kết nối internet băng rộng để phục vụ người dân truy nhập;

c) Có ít nhất 01 tủ/giá/kệ để trưng bày, giới thiệu các xuất bản phẩm in, báo in;

d) Đảm bảo duy trì hệ thống điện chiếu sáng, internet băng rộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thuận lợi;

đ) Thời gian phục vụ: Tăng thêm tối thiểu 02 giờ/ngày làm việc và phục vụ thêm 06 giờ/ngày thứ 7 hàng tuần so với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước). Thời gian phục vụ phải được niêm yết công khai tại nơi dễ nhìn để người dân biết.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại địa phương;

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu công tác quản lý, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương xây dựng đề xuất mức hỗ trợ duy trì, vận hành hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Tổ chức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thông tin, tuyên truyền thuộc dự án và của các chương trình, dự án khác (nếu có) do địa phương thực hiện phục vụ nhân dân tại các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng.

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin công cộng chịu trách nhiệm:

- Đảm bảo cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và duy trì, vận hành điểm cung cấp dịch vụ theo các điều kiện tại khoản 4 Điều này.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch, triển khai cung cấp dịch vụ, đề xuất mức hỗ trợ duy trì, vận hành hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng.

- Tiếp nhận, bảo quản, khai thác xuất bản phẩm in, báo in của Chương trình này và các chương trình, dự án khác (nếu có) để phục vụ nhân dân tại các địa bàn:

+ Đối với xuất bản phẩm in: Đảm bảo thời gian khai thác ít nhất đến hết thời gian thực hiện Chương trình. Kết thúc thời gian thực hiện Chương trình, căn cứ điều kiện, nhu cầu thực tế, đơn vị cung cấp dịch vụ chủ động tiếp tục khai thác các xuất bản phẩm in phục vụ nhân dân trên địa bàn hoặc đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển giao các xuất bản phẩm này để tiếp tục phục vụ người dân tại các thiết chế văn hóa - thông tin trên địa bàn;

+ Đối với các ấn phẩm của báo in và các ấn phẩm truyền thông in khác: Thời gian khai thác ít nhất 12 tháng.

- Báo cáo tình hình cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và của địa phương.

c) Các cơ quan báo chí, nhà xuất bản tham gia thực hiện dự án căn cứ mục đích, đối tượng phục vụ có trách nhiệm cung cấp sản phẩm báo in, xuất bản phẩm in đến các điểm cung cấp thông tin công cộng phù hợp.

Khuyến khích các cơ quan, tổ chức cung cấp sản phẩm báo chí, xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác thuộc các chương trình, dự án khác đến các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng để phục vụ nhu cầu thông tin của nhân dân.

d) Người sử dụng dịch vụ tại điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng có trách nhiệm:

- Sử dụng máy tính kết nối internet đọc sách, báo điện tử, tra cứu thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và phục vụ các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật;

- Bảo quản an toàn tài sản, xuất bản phẩm in, báo in và các sản phẩm truyền thông khác khi sử dụng tại điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng; giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh chung tại các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 như sau:

“a) Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7 như sau:

“b) Nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, bao gồm:

- Mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố) để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã;

- Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Việc thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thiết lập mới đài truyền thanh đối với xã chưa có đài truyền thanh;

b) Nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã.”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 5 Điều 7 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tại địa phương;

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu lập kế hoạch thiết lập mới, nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã tại địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi thực hiện nhiệm vụ đặc thù của Tiểu dự án;

- Đảm bảo các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động thường xuyên của đài truyền thanh xã (bao gồm phí sử dụng dịch vụ truy nhập internet, thuê bao của cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; sản xuất, phát nội dung chương trình trên đài truyền thanh).”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2; điểm a, b, c khoản 3; khoản 4 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2 Điều 11 như sau:

“a) Về nội dung: Đề tài xuất bản phẩm thuộc một hoặc một số chủ đề sau:

- Phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm áp dụng trong sản xuất, những mô hình sinh kế bền vững phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và phòng, chống biến đổi khí hậu;

- Phổ biến, giới thiệu kiến thức về văn hóa, văn học, nghệ thuật, di sản văn hóa truyền thống của Việt Nam cần quảng bá, lưu giữ và truyền lại cho các thế hệ sau và tạo dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch;

- Giới thiệu, tôn vinh những cá nhân điển hình, mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Quy trình thực hiện

a) Đăng ký đề tài xuất bản phẩm:

- Ở Trung ương:

+ Nhà xuất bản, cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện đăng ký đề tài xuất bản phẩm với Bộ, cơ quan ngang bộ.

+ Nhà xuất bản, cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thực hiện đăng ký đề tài xuất bản phẩm với cơ quan chủ quản.

- Ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lập kế hoạch, phê duyệt đề tài xuất bản phẩm, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Tiểu dự án.

- Thông tin đăng ký đề tài xuất bản phẩm gồm những nội dung sau: Tên đề tài; Tóm tắt nội dung; Thể loại; Ngôn ngữ xuất bản (trường hợp thực hiện bằng tiếng dân tộc thiểu số thì ghi rõ tiếng dân tộc nào); Hình thức xuất bản phẩm thực hiện (xuất bản phẩm in, xuất bản phẩm điện tử thông thường, xuất bản phẩm điện tử dưới dạng âm thanh và xuất bản phẩm đa phương tiện); Thời hạn mua bản quyền tác phẩm (đối với xuất bản phẩm điện tử); Đối tượng phát hành (đối với xuất bản phẩm in), tên miền internet Việt Nam để thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử (đối với xuất bản phẩm điện tử); Thời gian dự kiến thực hiện xuất bản; Kinh phí thực hiện, bao gồm kinh phí của Tiểu dự án, đóng góp của nhà xuất bản (nếu có).

b) Xét chọn đề tài:

- Ở Trung ương: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chủ quản tổ chức lựa chọn danh mục đề tài xuất bản phẩm trên cơ sở đăng ký của nhà xuất bản, cơ quan đơn vị trực thuộc.

- Ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn danh mục đề tài xuất bản phẩm theo phân cấp quản lý trên cơ sở đăng ký của nhà xuất bản, cơ quan, đơn vị trực thuộc.

c) Tổ chức xuất bản và phát hành:

- Căn cứ đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Nhà xuất bản tổ chức biên tập, xuất bản và phát hành theo quy định pháp luật;

- Nhà xuất bản phải ghi rõ thời hạn (từ ngày, đến ngày) xuất bản phẩm điện tử được đọc miễn phí trên các nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm điện tử và phải thông báo bằng văn bản cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả biết ngày phát hành xuất bản phẩm để tính thời hạn chuyển nhượng theo thỏa thuận (Mẫu thông báo tại Phụ lục 3 kèm theo), đồng thời gửi thông báo đến cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông cùng cấp để theo dõi, quản lý;

- Việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Về địa chỉ phát hành xuất bản phẩm:

+ Đối với xuất bản phẩm in:

Ở Trung ương: Xuất bản phẩm được phát hành đến Điểm Bưu điện - Văn hóa xã thuộc mạng lưới bưu chính công cộng; Tủ sách pháp luật được thành lập theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Hệ thống thư viện công cộng. Ưu tiên địa bàn thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo.

Ở địa phương: Xuất bản phẩm được phát hành đến Điểm Bưu điện - Văn hóa xã thuộc mạng lưới bưu chính công cộng; Tủ sách pháp luật được thành lập theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Hệ thống thư viện công cộng trong phạm vi quản lý của địa phương. Ưu tiên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo.

+ Đối với xuất bản phẩm điện tử: Được phát hành trên nền tảng công nghệ cung cấp sách, báo điện tử thiết yếu do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý và nền tảng công nghệ phát hành xuất bản phẩm điện tử của nhà xuất bản (nếu có)."

c. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Tổ chức thực hiện

a) Các Bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp ở Trung ương và địa phương có nhu cầu thực hiện xuất bản phẩm mới từ nguồn kinh phí của Tiểu dự án tiến hành lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời gửi Kế hoạch về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Xuất bản, In và Phát hành) để tổng hợp.

b) Nhà xuất bản chịu trách nhiệm:

- Đảm bảo xuất bản phẩm mới theo tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, không trùng lặp với đề tài xuất bản phẩm đã có.

- Thực hiện xuất bản xuất bản phẩm, tổ chức phát hành xuất bản phẩm (cả xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử) đến các địa chỉ theo quy định.

- Đảm bảo xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định của Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ.

- Sử dụng kinh phí thực hiện Tiêu dự án được giao đúng quy định của pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Lựa chọn xuất bản phẩm in đã phát hành để thực hiện xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử

1. Yêu cầu chung: Xuất bản phẩm in đã phát hành được lựa chọn để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử là các tác phẩm, có giá trị nội dung lâu dài, cung cấp thông tin thiết yếu phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tiêu chí lựa chọn xuất bản phẩm in để xuất bản điện tử:

- Xuất bản phẩm in được lựa chọn xuất bản phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất bản và sở hữu trí tuệ;

- Xuất bản phẩm điện tử phải đáp ứng các tiêu chí về chủ đề nội dung, hình thức, bản quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.”

3. Quy trình thực hiện

a) Đăng ký đề tài xuất bản phẩm: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 của Thông tư này.

b) Xét chọn đề tài:

- Ở Trung ương: Các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp tổ chức lựa chọn danh mục đề tài xuất bản phẩm đã được xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm in và lưu hành hợp pháp để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử theo phân cấp quản lý, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Tiêu dự án.

- Ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn danh mục đề tài xuất bản phẩm đã được xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm in và lưu hành hợp pháp để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử theo phân cấp quản lý, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Tiêu dự án.

c) Tổ chức xuất bản và phát hành: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 của Thông tư này.

4. Tổ chức thực hiện: Việc tổ chức thực hiện xuất bản phẩm điện tử từ xuất bản in được theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2025.
2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Sở TTTT, Sở LĐTĐ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo - Bộ LĐTĐ;
- Các đơn vị thuộc Bộ; Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Lưu: VT, KHTC.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng